

CHÍNH PHỦ

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số
150/2004/NĐ-CP ngày 29/7/2004
quy định về xử phạt vi phạm
hành chính trong lĩnh vực
khoáng sản.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20
tháng 3 năm 1996;*

*Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành
chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài
nguyên và Môi trường,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều
chỉnh

1. Nghị định này quy định các hành
vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực
khoáng sản; hình thức xử phạt, mức xử
phạt; thẩm quyền xử phạt; thủ tục xử

phạt và các biện pháp khắc phục hậu
quả.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực
khoáng sản là những hành vi vi phạm
các quy định của pháp luật về điều tra cơ
bản địa chất về tài nguyên khoáng sản
(bao gồm lập bản đồ địa chất, nghiên cứu
chuyên đề địa chất và đánh giá tiềm
năng khoáng sản); khảo sát, thăm dò,
khai thác, chế biến khoáng sản và bảo vệ
tài nguyên khoáng sản do tổ chức, cá
nhân cố ý hoặc vô ý vi phạm mà không
phải là tội phạm nhưng theo quy định
của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính
và Nghị định này phải bị xử phạt vi
phạm hành chính.

3. Các hành vi vi phạm hành chính
thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật
khác không quy định tại Nghị định này
mà có liên quan đến lĩnh vực khoáng sản
thì thực hiện xử phạt vi phạm hành
chính theo quy định tại các văn bản quy
phạm pháp luật đó.

Điều 2. Đối tượng bị xử phạt

1. Tổ chức, cá nhân trong nước có hành
vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực
khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành
vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực
khoáng sản; trường hợp Điều ước quốc tế
mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt
Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định
khác thì áp dụng theo quy định của Điều
ước quốc tế đó.

Điều 3. Nguyên tắc và thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản là một năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện, nếu quá thời hạn trên thì không xử phạt nhưng bị áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định này để khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra.

Điều 4. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản là một năm, kể từ ngày tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính đã thi hành xong quyết định xử phạt mà không tái phạm.

Điều 5. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng

Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng áp dụng khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 6. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Mỗi hành vi vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản, tổ chức, cá nhân vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước giấy phép;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại hiện trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;

b) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng;

c) Buộc nộp báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Buộc san lấp công trình; thực hiện đầy đủ yêu cầu bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường theo quy định;

d) Buộc đăng ký với cơ quan có thẩm quyền về kế hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản;

e) Buộc thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin của Nhà nước về kết quả khảo sát, thăm dò khoáng sản;

g) Buộc lập thiết kế mỏ; bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ theo quy định.

Điều 7. Nguyên tắc xác định mức phạt tiền

Khi xử phạt bằng hình thức phạt tiền, mức phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản là mức trung bình của khung tiền phạt quy định tại Nghị định này đối với hành vi đó; nếu vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì mức phạt có thể giảm thấp hơn nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung tiền phạt; đối với vi phạm có tình tiết tăng nặng thì mức phạt có thể tăng cao hơn nhưng không được cao hơn mức tối đa của khung tiền phạt.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT

Điều 8. Vi phạm quy định về điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản

1. Phạt tiền từ 500.000 đến 2.000.000

đồng đối với hành vi không đăng ký kế hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản mà không có quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Thực hiện không đúng đề án, kế hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép điều chỉnh;

c) Không nộp báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, mẫu vật địa chất theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc đăng ký kế hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc phải nộp báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, mẫu vật địa chất theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về khảo sát khoáng sản

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đến 5.000.000

đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Khảo sát khoáng sản không có giấy phép theo quy định hoặc giấy phép khảo sát đã hết hạn, trừ trường hợp đã nộp hồ sơ xin gia hạn theo quy định;

b) Không nộp báo cáo kết quả khảo sát theo quy định hoặc nộp chậm từ ba mươi (30) ngày trở lên, kể từ ngày giấy phép khảo sát chấm dứt hiệu lực;

c) Chuyển ra ngoài khu vực khảo sát các mẫu vật địa chất, khoáng sản với số lượng và chủng loại không đúng với quy định tại giấy phép khảo sát đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

2. Đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, ngoài hình thức phạt tiền còn buộc phải nộp báo cáo kết quả khảo sát theo quy định.

Điều 10. Vi phạm quy định về thăm dò khoáng sản

1. Phạt tiền từ 500.000 đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo kế hoạch thăm dò với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện chế độ báo cáo định kỳ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Không nộp báo cáo kết quả thăm dò

theo quy định hoặc nộp chậm từ ba mươi (30) ngày trở lên, kể từ ngày giấy phép thăm dò chấm dứt hiệu lực.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thăm dò khoáng sản không có giấy phép theo quy định hoặc giấy phép đã hết hạn, trừ trường hợp đã nộp đơn xin gia hạn theo quy định;

b) Không thực hiện việc san lấp công trình thăm dò hoặc thực hiện không đúng yêu cầu bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường theo quy định khi giấy phép thăm dò hết hiệu lực;

c) Chuyển ra ngoài khu vực thăm dò các mẫu vật địa chất, khoáng sản với số lượng và chủng loại không đúng với quy định tại giấy phép thăm dò đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả

a) Tước giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này trong trường hợp có tình tiết tăng nặng theo quy định;

b) Buộc thông báo kế hoạch thăm dò theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc phải nộp báo cáo kết quả thăm dò đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

d) Buộc chấm dứt hoạt động thăm dò; buộc san lấp các công trình thăm dò và phải thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản và môi trường đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 500.000 đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo kế hoạch khai thác, không đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu hoạt động sản xuất với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Khai thác khoáng sản không có thiết kế mỏ; không có giám đốc điều hành mỏ theo quy định;

b) Không ký quỹ để bảo đảm phục hồi môi trường và đất đai sau khai thác và khi đóng cửa mỏ theo quy định;

c) Không thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo sai số liệu về hoạt động khai thác khoáng sản cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

d) Khai thác tận thu khoáng sản khi giấy phép đã hết hạn, trừ trường hợp đã nộp đơn xin gia hạn theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi

phạm đối với khai thác khoáng sản không phải là vàng, bạc, platin, đá quý, xạ - hiếm sau đây:

a) Khai thác khoáng sản không có giấy phép theo quy định hoặc giấy phép đã hết hạn, trừ trường hợp đã nộp đơn xin gia hạn theo quy định;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các biện pháp sau khai thác và đóng cửa mỏ theo quy định;

c) Không thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin của Nhà nước về kết quả khảo sát, thăm dò khoáng sản theo quy định khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo bằng văn bản.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi quy định tại khoản 3 Điều này đối với trường hợp khai thác khoáng sản vàng, bạc, platin, đá quý, xạ - hiếm.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả

a) Tước giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này khi có tình tiết tăng nặng theo quy định;

b) Buộc áp dụng các biện pháp tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định này để khắc phục hậu quả gây ra do hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2; khoản 3 và khoản 4 Điều này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử

dụng để vi phạm đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2, điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về chế biến khoáng sản

1. Phạt tiền từ 500.000 đến 2.000.000 đồng đối với việc không thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo sai số liệu cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đến 10.000.000 đồng đối với hành vi chế biến khoáng sản không phải là vàng, bạc, platin, đá quý, xạ - hiếm mà không có giấy phép theo quy định hoặc giấy phép đã hết hạn, trừ trường hợp đã nộp đơn xin gia hạn theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng đối với các hành vi quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp chế biến khoáng sản vàng, bạc, platin, đá quý, xạ - hiếm.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước giấy phép chế biến khoáng sản đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này khi có tình tiết tăng nặng theo quy định.

Điều 13. Vi phạm khác về quản lý khoáng sản

1. Phạt tiền từ 400.000 đến 2.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc tiến hành hợp pháp các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, khảo sát, thăm dò khoáng sản.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cất giấu, phá hủy, làm tổn hại đến chất lượng hoặc mua, bán, vận chuyển trái phép các mẫu vật địa chất, khoáng sản đặc biệt quý hiếm theo quy định của pháp luật về khoáng sản;

b) Khi phát hiện được các điểm khoáng sản mà không báo cáo hoặc báo cáo sai sự thật với cơ quan nhà nước có thẩm quyền gây khó khăn cho việc quản lý và bảo vệ tài nguyên khoáng sản;

c) Tiết lộ thông tin về tài nguyên khoáng sản thuộc bí mật nhà nước mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Cản trở các hoạt động kiểm tra, thanh tra về khoáng sản của người thi hành công vụ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Cản trở các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản hợp pháp theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu mẫu vật địa chất, khoáng sản đặc biệt quý hiếm bị mua, bán, vận chuyển trái phép.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN

Điều 14. Thẩm quyền xử phạt vi phạm

hành chính trong lĩnh vực khoáng sản của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;
- d) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính;
- d) Tịch thu khoáng sản khai thác trái phép;
- đ) Tước quyền sử dụng giấy phép thuộc thẩm quyền;
- e) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với các lĩnh vực quy định tại điểm d và điểm đ

khoản 2 Điều 14 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Tịch thu khoáng sản khai thác trái phép;

e) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

Điều 15. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản của Thanh tra về khoáng sản

1. Thanh tra viên về khoáng sản đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm có giá trị đến 2.000.000 đồng;
- d) Đình chỉ hành vi vi phạm, buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

2. Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép thuộc thẩm quyền;

đ) Đình chỉ hành vi vi phạm, buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

3. Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Tịch thu khoáng sản khai thác trái phép;

đ) Tước quyền sử dụng giấy phép thuộc thẩm quyền;

e) Đình chỉ hành vi vi phạm, buộc khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

Điều 16. Ủy quyền và nguyên tắc xác định thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản

1. Việc ủy quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản áp dụng theo quy định tại Điều 41 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản áp dụng theo quy định tại Điều 42 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 17. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản

1. Thủ tục, trình tự xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

2. Các vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản bị xử phạt đều phải lập thành hồ sơ và lưu giữ đầy đủ tại cơ quan xử phạt.

3. Tổ chức, cá nhân bị phạt tiền phải nộp tiền phạt theo quy định tại Điều 54 và Điều 58 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

4. Khi áp dụng hình thức tịch thu khoáng sản, tang vật, phương tiện vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt phải thực hiện đúng quy định tại Điều 60 và khoản 1 Điều 61 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 18. Thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định này phải nghiêm chỉnh thi hành quyết định xử phạt của cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn quy định. Nếu tổ

chức, cá nhân bị xử phạt không thi hành quyết định xử phạt hoặc cố ý trốn tránh thi hành quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt theo Điều 66 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Khi áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản, cơ quan, người có thẩm quyền phải tuân thủ trình tự, thủ tục cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Chương IV

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 19. Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản hoặc người đại diện hợp pháp có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt của cơ quan, người có thẩm quyền.

Công dân có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền những quyết định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản trái pháp luật.

2. Thủ tục khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 20. Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản có hành vi sách nhiễu, dung túng, bao che cho người vi phạm; không xử phạt hoặc xử lý không đúng mức xử phạt hoặc xử phạt trái thẩm quyền theo quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại cho Nhà nước, công dân, tổ chức thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Xử lý vi phạm đối với người bị xử phạt vi phạm hành chính

Người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản nếu có hành vi chống người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành hoặc có hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Nghị định này thay thế Nghị định số 35/CP ngày 23 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về khoáng sản.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 844/QĐ-TTg ngày 05/8/2004 về việc thành lập Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Vịnh Bắc Bộ.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 43/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thủy sản;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy sản và Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Vịnh Bắc Bộ trực thuộc Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản của Bộ Thủy sản.

Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Vịnh Bắc Bộ có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tại Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước; trụ sở đặt tại thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Thủy sản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Vịnh Bắc Bộ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Thủy sản, Bộ trưởng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải